TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2018/QĐST-DS	*Ứng Hòa, ngày 14 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 138 Bộ luật Dân sự 2015

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 29/2018/TLST- DS ngày 09 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần KT (gọi tắt là Ngân hàng T)

Địa chỉ: số 191, phố BT, phường LĐH, quận HBT, TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: ông Hồ Hùng A – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Việt P – Cán bộ xử lý nợ

- Bị đơn: Ông Nguyễn Cự H - Sinh năm 1957

Bà Nguyễn Thị Â – Sinh năm 1957

Đều có HKTT: thôn ĐX, xã HN, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội

- Những người có quyền lợi và N vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Cự M – Sinh năm 1962

+ Bà Nguyễn Thị L – Sinh năm 1965

+ Anh Nguyễn Cự V - Sinh năm 1984

+ Chị Nguyễn Thị M1 – Sinh năm 1990

+ Cháu Nguyễn Thị Mỹ D – Sinh ngày 14/10/2015

+ Cháu Nguyễn Cự M N – Sinh ngày 11/7/2013

Đều trú tại: thôn ĐX, xã HN, huyện UH, TP. Hà Nội

(Ông M đại diện theo ủy quyền của bà L; ông H đại diện theo ủy quyền cho anh V và chị M1; anh V và chị M1 là người đại diện theo pháp luật của cháu D và N)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1, Xác nhận nợ: Phía bị đơn ông Nguyễn Cự H và bà Nguyễn Thị Â đều xác nhận ông bà còn nợ ngân hàng Thương mại cổ phần KT (Viết tắt: Ngân hàng T) số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/7/2018 tổng cộng là 2.150.118.345 đồng (*Hai tỷ, một trăm năm mươi triệu, một trăm mười tám nghìn, ba trăm bốn mươi lăm đồng*)

Trong đó: - Nợ gốc: 1.018.350.000 đồng

- Nợ lãi trong hạn: 487.628.206 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 345.521.061 đồng
- Nợ lãi phạt: 298.619.078 đồng

- Xác nhận việc Ngân hàng T đồng ý miễn khoản tiền lãi phạt chậm trả cho vợ chồng ông Nguyễn Cự H và bà Nguyễn Thị Â là 298.619.078 đồng. Như vậy, tính đến ngày 26/7/2018, vợ chồng ông Nguyễn Cự H và bà Nguyễn Thị Â còn nợ Ngân hàng T tổng số tiền là 1.851.499.267 đồng (*Một tỉ, tám trăm năm mươi mốt triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm sáu mươi bảy đồng*); trong đó, nợ gốc là 1.018.350.000 đồng và nợ lãi là 833.149.267 đồng.

- Xác nhận việc Ngân hàng T miễn toàn bộ tiền phạt vi phạm hợp đồng đã ký kết là 10.183.500 đồng.

2.2, Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và N vụ liên quan đều xác nhận việc ông H, bà Â, ông M, bà L có thế chấp cho Ngân hàng T 02 tài sản để đảm bảo cho khoản vay trên cụ thể như sau:

Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 435, tờ bản đồ số 05, diện tích đất là 48.3m^2, tọa lạc tại xã HN, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội; thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL376528; vào sổ cấp số H:140 do UBND huyện Ứng Hòa cấp cho ông Nguyễn Cự H và bà Nguyễn Thị Â ngày 29/4/2008 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất công chứng số 1719.2011/HĐTC-TCB tại Văn phòng Công chứng Thăng Long.

Tài sản thứ hai: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 218, tờ bản đồ số 05, diện tích đất là 144.1m^2, tọa lạc tại thôn Đanh Xuyên, xã HN, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội; thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T364195; vào sổ cấp số 0594QSDĐ do UBND huyện Ứng Hòa cấp cho hộ ông Nguyễn Cự M ngày 15/4/2004; đăng ký thay đổi cho ông Nguyễn Cự M và bà Nguyễn Thị L ngày 08/3/2011, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất công chứng số 1718.2011/HĐTC-TCB tại Văn phòng Công chứng Thăng Long.

- Xác nhận việc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan sống trên nhà đất thế chấp của ông H và bà Â là anh Vụ, chị M1, cháu D và cháu N; những người sống trên tài sản thế chấp của ông M và bà L là ông M. Từ thời điểm thế chấp đến nay trên 02 thửa đất thế chấp này mọi người chỉ sinh sống, quản lý và sử dụng, đều không có tu bổ, cải tạo gì thêm, không có bất kỳ thay đổi nào khác so với thời điểm thế chấp, cũng không phát sinh thêm tài sản nào khác.

2.3, Về phương thức thanh toán:

Chậm nhất đến ngày 28/02/2019, phía bị đơn có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh cho ngÂ hàng.

Về lãi suất: kể từ ngày 27/7/2018 bị đơn tiếp tục phải chịu lãi suất theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết (*Có sự điều chỉnh tăng, giảm theo từng thời kỳ của ngân hàng*) trên số d□nợ gốc t□ơng ứng với thời gian chậm trả.

- Nếu bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo sự thoả thuận trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi nợ cho Ngân hàng T theo 02 hợp đồng thế chấp nêu trên.

- Trường hợp sau khi phát mại tài sản không đủ để trả nợ thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả Ngân hàng T cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu, sử dụng tài sản.

- Sau khi phía bị đơn thanh toán xong các khoản nợ theo thỏa thuận trên thì Ngân hàng T có nghĩa vụ làm thủ tục giải chấp 02 tài sản thế chấp nêu trên cho chủ tài sản bảo đảm là ông Nguyễn Cự H và bà Nguyễn Thị Â, ông Nguyễn Cự M và bà Nguyễn Thị L;

2.4, Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1, khoản 3 Điều 13; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận việc nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận mỗi bên chịu ½ tiền án phí dân sự sơ thẩm; như vậy, số

tiền án phí mỗi bên phải chịu là 16.886.244 đồng (*Mười sáu triệu, tám trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm bốn mươi bốn đồng*). Đối trừ với số tiền nguyên đơn nộp tạm ứng án phí 37.162.318 đồng, tại biên lai thu số 0008755 ngày 09/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa; số tiền còn lại hoàn trả nguyên đơn (Ngân hàng T) là 20.276.074 đồng (*Hai mươi triệu, hai trăm bảy mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi tư đồng*). Miễn giảm 50% N vụ chịu án phí cho bị đơn (ông H và bà Â); bị đơn còn phải nộp 8.443.122 đồng (*Tám triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn, một trăm hai mươi hai đồng*) tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dÂ sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Ứng Hòa;
- Chi cục THADS huyện Ứng Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TÒA ÁN NHÂ DÂ HUYỆN ỨNG HÒA
THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Kiến